

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HSST
Ngày 29/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thường

2. Ông Tống Ngọc Chân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: ông Trần Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 28 /9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông - tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2017/HSST ngày 31/8/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX-HSST ngày 14/9/2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Y T N**, sinh ngày 04/12/1995; Nơi sinh: huyện B, Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT: Buôn A, xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở trước khi bị bắt: Buôn C, xã M, huyện G, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Ê Đê; Tiền án, tiền sự: không; Con ông Y M Ê – sinh năm 1969 và con bà H'G N – sinh năm 1968; Bị cáo có vợ là H'U B, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2016, vợ con bị cáo đang sinh sống Buôn C, xã M, huyện G, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2017 đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Trần Thị P L – trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

*** Người bị hại:**

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983 (có mặt)
- Chị Trần Thị Thu P, sinh năm 1990 (có mặt)
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)
- Anh Phan V, sinh năm 1985 (có mặt)
- Chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác: H), sinh năm 1987
(vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều trú tại: Buôn A, xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Y M Ê, sinh năm 1969 (có mặt)

Trú tại: Buôn A, xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

- Chị H'Ư B, sinh năm 1996 (vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Buôn C, xã M, huyện G, tỉnh Đắk Lắk

NHẬN THẤY:

Bị cáo Y T N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 05/6/2017, Y T N đi bộ từ nhà bố ruột là Y M Ê, tại Buôn A, xã D, huyện B qua nhà anh Phạm Văn T và chị Trần Thị Thu P cùng buôn để trộm cắp tài sản. Y T quan sát thấy nhà anh T khóa cửa, không có người trông coi nên đã đi vòng ra sau nhà và dùng một ốc vít bằng sắt mang sẵn trong túi, 01 miếng tôn thép nhặt được gần đó để tháo ốc vít tôn tường đột nhập vào nhà bếp, dùng cây sắt nhặt được trong nhà bếp bẩy cửa kính vỡ và phá khóa cửa để đi lên nhà trên, sau đó dùng thanh sắt phá khóa cửa phòng ngủ vào lấy trộm tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 03 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 03 đồng hồ đeo tay; 01 con heo đất bên trong có chứa 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), lục tủ quần áo lấy 700.000 đồng. Sau đó bị cáo mang toàn bộ tài sản trên về nhà bố để cất giấu.

Y T đã bán 01 chiếc nhẫn với giá 3.000.000 đồng, 01 dây chuyền với giá 4.000.000 đồng, mang 02 chiếc nhẫn còn lại và số tiền 7.500.000 đồng về nhà vợ ở huyện C cất giấu, còn 03 chiếc đồng hồ đeo tay do thấy kim đồng hồ không

chạy nữa nên Y T đã ném ở dọc đường khi đi từ huyện B huyện C. Sau đó Y T mang số tài sản còn lại về nhà bố để cất giấu. Ngày 22/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Bông triệu tập Y T N lên làm việc, Y T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/BB-HĐ ngày 30/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Krông Bông kết luận: 01 nhẫn vàng loại 9999 trọng lượng 01 chỉ trị giá 3.440.000 đồng; 01 nhẫn loại vàng sai gòn trọng lượng 01 chỉ trị giá 2.200.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ trị giá 5.200.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng loại 18k trọng lượng 2,3 chỉ trị giá 5.980.000 đồng và 03 cái đồng hồ đeo tay có giá trị 240.000 đồng. Tổng cộng là 17.060.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh T và chị P là 18.260.000 đồng.

Quá trình điều tra, Y T đã tự thú, khai nhận thời gian trước đó đã thực hiện 02 vụ trộm khác tại Buôn A, xã D, cụ thể là:

Vụ thứ nhất: khoảng 23 giờ, ngày 30/6/2016, Y T đã trèo qua ô cửa gió vào nhà anh Nguyễn Văn T ở Buôn A, xã D, huyện B để vào trong nhà. Thấy chiếc xe máy hiệu SURIUS, màu đen-đỏ, biển kiểm soát 47K1 - 080.76 đang cắm chìa khóa trên ổ nên Y T đã dắt xe máy ra khỏi cửa và điều khiển xe cất giấu trong bụi tre trước Trạm kiểm lâm ở Buôn A, xã D, huyện B và về nhà bố đẻ ngủ. Đến 05 giờ ngày 01/7/2016, bị cáo đi đến nơi cất giấu và điều khiển chiếc xe trên đi lên tp.BMT làm giấy tờ và biển số xe giả rồi đi đến Buôn E, xã T, huyện K cầm cho tiệm cầm đồ (không rõ tên tiệm) với giá: 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*). Sau đó bị cáo đã dùng số tiền trên vào mục đích tiêu dùng cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/BB-HĐ ngày 15/7/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: xe moto nói trên có giá trị là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*).

Vụ thứ hai: khoảng 13 giờ ngày 31/5/2017, trong lúc đang trông coi trại hòm trước cửa nhà anh Phan V, chị Nguyễn Thị D thì Y T thấy cửa phía trước nhà chị D khóa và không có người trông coi nên Y T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vòng ra phía sau nhà chị D và trèo qua bờ rào lưới B40 đi vào cửa sau, do cửa không khóa nên bị cáo đã mở cửa đi vào trong phòng ngủ lấy trộm 14.800.000 đồng ở trong cuốn sổ để dưới nệm trên đầu giường bỏ vào trong túi nilông sau đó lấy tiếp 01 con heo đất bên trong có 4.000.000 đồng trên nóc tủ quần áo, bị cáo đập heo xếp tiền bỏ vào túi nilon và mang toàn bộ số tài sản trên về nhà cất giấu. Đến khoảng 07 giờ, ngày 01/6/2017 Y T đã điều khiển xe máy và

mang số tiền 18.800.000 đồng về nhà vợ ở Cư Mgar và ra chợ mua 02 cái quần jeen cùng 01 cái áo sơ mi hết 900.000 đồng, mua 01 cái điện thoại di động hiệu VIVO với giá: 3.500.000 đồng. Số tiền còn lại 14.400.000 đồng (*mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*) Y T đã tiêu dùng cá nhân hết.

Tổng giá trị tài sản mà Y T N đã chiếm đoạt cả 3 vụ nói trên là 51.060.000 đồng (*năm mươi một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Vật chứng của 3 vụ án:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 47K1-080.76 không thu hồi được.
- 01 miếng tôn, 01 ốc vít và 03 chiếc đồng hồ đeo tay: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.
- 01 chiếc nhẫn loại vàng Sài gòn, 01 chiếc nhẫn loại vàng 18k; số tiền 7.980.000 đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).
- 02 quần jean; 01 áo sơ mi; 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo, số Imei 1: 863973038586214, số Imei 2: 863973038586206.
- 01 thanh sắt có kích thước 74,5cm x 2,5cm.

Tại bản cáo trạng số 19/KSĐT - HS ngày 29/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông đã truy tố bị cáo Y T N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Y T N đã khai nhận: Vào ngày 05/6/2017, bị cáo đã trộm cắp của nhà anh Phạm Văn T và chị Trần Thị Thu P 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 03 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, 03 chiếc đồng hồ đeo tay, 01 con heo đất bên trong có 500.000 đồng và 700.000 đồng trong túi quần.

Vào ngày 30/6/2016, bị cáo đã trộm tài sản của nhà anh Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô, sau đó bị cáo đem xe đi cầm cho tiệm cầm đồ được 4.000.000 đồng, bị cáo đã tiêu dùng vào mục đích cá nhân hết.

Vào ngày 30/5/2017, bị cáo đã trộm cắp tài sản của nhà anh Phan V và chị Nguyễn Thị D số tiền 18.800.000 đồng. Bị cáo đã mua hai cái quần jeen và một áo sơ mi hết 900.000 đồng, một cái điện thoại hết 3.500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo đã tiêu dùng vào mục đích cá nhân hết.

Người bị hại Phan Văn T và chị Trần Thị Thu P trình bày: anh chị đã nhận lại tiền bồi thường nên tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Nguyễn Văn T: yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị cáo trộm cắp còn lại là 10.000.000 đồng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Phan V: yêu cầu bị cáo bồi thường 14.320.000 đồng. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Y T N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Y T N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22/6/2017.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn T với số tiền là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); cho gia đình anh Nguyễn Văn T với số tiền là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và cho gia đình anh Phan V và chị Nguyễn Thị D với số tiền là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho anh Nguyễn Văn T với số tiền còn lại là: 10.000.000 đồng và cho gia đình anh Phan V, chị Nguyễn Thị D với số tiền còn lại là: 14.320.000 đồng.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại tài sản là: 01 chiếc nhẫn loại vàng Sài Gòn, 01 chiếc nhẫn loại vàng 18k; số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn T; trả lại số tiền 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi ngàn đồng) cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị D.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 01 thanh sắt có kích thước 74,5cm x 2,5cm cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn T.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 02 quần jeans; 01 áo sơ mi; 01 điện thoại di động hiệu VIVO do bị can dùng tiền trộm cắp được mua mà có.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự thú về hai hành vi phạm tội trước đó. Tuy gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nhưng bị cáo vẫn tác động gia đình khắc phục được một phần hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, xử phạt bị cáo với mức hình phạt nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cũng như các chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án.

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy rằng: bị cáo Y T N đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà các bị hại thực hiện ba vụ trộm vào các ngày 30/6/2016, ngày 31/5/2017, và ngày 05/6/2017: đã chiếm đoạt của gia đình anh Phạm Văn T 01 sợi dây chuyền, 03 chiếc nhẫn, 03 đồng hồ đeo tay cùng số tiền mặt 1.200.000 đồng, tổng cộng là 18.260.000 đồng. Bị cáo còn đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn T dắt trộm 01 xe máy Yamaha nhãn hiệu Sirius có giá trị 14.000.000 đồng và trộm cắp tài sản của anh Phan V và chị Nguyễn Thị D với số tiền mặt là 18.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 51.060.000 đồng. Do đó có đủ cơ sở để kết tội bị cáo Y T N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

.....

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ra hậu quả rất nghiêm trọng: Bị cáo hoàn toàn có khả năng nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi trường hợp xâm phạm trái pháp luật đều bị nghiêm trị. Tuy nhiên do ý thức lười lao động nhưng lại muốn hưởng thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và thực hiện 03 vụ trộm liên tiếp vào các ngày 30/6/2016, ngày 31/5/2017 và ngày 05/6/2017. Hành vi của bị cáo thể hiện sự lén lút chiếm đoạt tài sản, có quan sát từ trước và chỉ thực hiện tội phạm khi chủ nhà không có mặt ở nhà để trông coi tài sản. Bị cáo không những lợi dụng sở hữu của chủ nhà trong việc cất giữ tài sản mà còn liều lĩnh phá khóa, cạy cửa để thực hiện tội phạm, mang theo ốc vít chuẩn bị từ trước để hỗ trợ cho việc phạm tội. Khi trộm được tài sản, sợ bị phát hiện nên bị cáo đem tài sản trộm cắp được đi cất giấu, đối với xe mô tô trộm được, bị cáo gắn biển số giả và làm giấy tờ giả cho xe máy trộm cắp được để tránh bị phát hiện và đem đi cầm cố. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại trong 3 vụ là 51.060.000 đồng (*năm mươi một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*) thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trong mỗi vụ có giá trị trên 5.000.000 đồng đã đủ yếu tố để cấu thành tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo trộm cắp từ hai lần trở lên nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xét thấy hành vi của bị cáo gây hoang mang trong dư luận nhân dân, xâm phạm đến tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ nên cần được xử lý nghiêm minh và cần áp mức hình phạt tương xứng để có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Xét về nhân thân: bị cáo xuất thân từ gia đình nông dân lương thiện, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tại cơ quan điều tra bị cáo đã tự thú về việc thực hiện hai vụ trộm ngày 30/6/2016 và 31/5/2017; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường một phần hậu quả cho người bị hại anh Phạm Văn T với số tiền là: 3.000.000 đồng; cho gia đình anh Nguyễn Văn T với số tiền là 4.000.000 đồng và cho gia đình anh Phan V và chị Nguyễn Thị D với số tiền là 4.000.000 đồng, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự: cần chấp nhận việc bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn T với số tiền là: 3.000.000 đồng; cho gia đình anh Nguyễn Văn T với số tiền là: 4.000.000 đồng và cho gia đình anh Phan V, chị Nguyễn Thị D với số tiền là: 4.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho anh Nguyễn Văn T với số tiền còn lại là: 10.000.000 đồng và cho gia đình anh Phan V, chị Nguyễn Thị D với số tiền còn lại là: 14.320.000 đồng.

**** Về xử lý vật chứng:***

Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả lại tài sản là: 01 chiếc nhẫn loại vàng Sài Gòn, 01 chiếc loại vàng 18k; số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn T; trả lại số tiền 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi ngàn đồng) cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị D. Cần tuyên trả lại 01 thanh sắt có kích thước 74,5cm x 2,5cm cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 02 quần jeans; 01 áo sơ mi; 01 điện thoại di động hiệu VIVO mà bị cáo dùng tiền trộm cắp được để mua.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm số theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của người bào chữa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét thấy quan điểm đường lối xử lý vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là đầy đủ, toàn diện và phù hợp, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố**: Bị cáo Y T N phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Y T N 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22/6/2017.

* ***Về trách nhiệm dân sự***: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự: Công nhận việc bị cáo tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại Phạm Văn T với số tiền là: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); cho gia đình anh Nguyễn Văn T với số tiền là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và cho gia đình anh Phan V, chị Nguyễn Thị D với số tiền là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Buộc bị cáo Y T N phải bồi thường thêm cho anh Nguyễn Văn T với số tiền còn lại là: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và cho anh Phan V, chị Nguyễn Thị D với số tiền còn lại là: 14.320.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

* ***Về xử lý vật chứng***:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Công nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại tài sản gồm: 01 chiếc nhẫn loại vàng Sài gòn, 01 chiếc nhẫn loại vàng 18k; số tiền 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Phạm Văn T; trả lại số tiền 480.000 đồng (*bốn trăm tám mươi ngàn đồng*) cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị D.

Tuyên trả lại 01 thanh sắt có kích thước 74,5cm x 2,5cm cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn T.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 02 quần jeans; 01 áo sơ mi; 01 điện thoại di động hiệu VIVO.

Các vật chứng trên hiện đang được cất giữ tại kho vật chứng của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.216.000 đồng (*một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Sở Tư pháp
- Phòng PV 27
- CA huyện
- THA HS
- Chi cục THA DS
- Bị cáo, người bị hại
- Dương sự
- Người bào chữa
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Hưng